



KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC LẦN THỨ VI - ICCE 2025

Văn hóa và Giáo dục trong kỷ nguyên số hướng tới phát triển bền vững



THE 6th INTERNATIONAL CONFERENCE ON CULTURE AND EDUCATION - ICCE 2025

Culture and Education in the Digital Era towards Sustainable Development



6e COLLOQUE INTERNATIONAL CULTURE ET ÉDUCATION - ICCE 2025

Culture et éducation à l'ère numérique vers un développement durable

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
Huế, 2026

BAN TỔ CHỨC

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	TS. Lê Hồ Sơn - Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế	Trưởng ban
2	PGS.TS. Mai Xuân Trường - Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	Đồng Trưởng ban
3	PGS.TS. Từ Quang Tân - Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	Phó Trưởng ban
4	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hùng - Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế	Phó Trưởng ban
5	GS.TS. Nguyễn Phương Ngọc - Phó Hiệu trưởng Trường Nghệ thuật, Văn học, Ngôn ngữ và Khoa học Nhân văn, ĐH Aix-Marseille, Pháp	Phó Trưởng ban
6	TS. Cao Anh Tuấn - Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	Phó Trưởng ban
7	PGS.TS. Đỗ Hồng Cường - Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	Phó Trưởng ban
8	GS.TSKH. Nguyễn Lưu Lan Anh - Viện trưởng Viện Tâm lý và Giáo dục Liên văn hóa, Đại học Eötvös Loránd, Hungary	Phó Trưởng ban
9	Ông Oliver Brandt - Giám đốc Viện Goethe Hà Nội	Phó Trưởng ban
10	PGS.TS. Chawalit Chookamphang - Trưởng Khoa Giáo dục, Đại học Mahasarakham, Thái Lan	Phó Trưởng ban
11	TS. Hà Viết Hải - Trưởng phòng KHCN&HTQT, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế	Phó Trưởng ban
12	ThS. Nguyễn Vĩnh Khương - Phó Trưởng phòng KHCN &MT - Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	Ủy viên

61.	GIÁO DỤC DI SẢN VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG KỶ NGUYÊN SỐ HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: TRƯỜNG HỢP KHẶC THÁI Ở THANH HÓA	<i>Nguyễn Thị Việt Hưng Nguyễn Thị Lý</i>	839
62.	GIÁO DỤC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ	<i>Lý Thị Thu</i>	854
63.	INDIGENOUS KNOWLEDGE OF DAO ETHNIC GROUP IN SLOPE FARMING SYSTEMS: LESSONS FOR SUSTAINABLE AGRICULTURE IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGION OF VIETNAM IN THE CONTEXT OF THE DIGITAL AGE	<i>Dao Duy Minh Duong Quynh Phuong Cam Le Hao Tan Hong May Pham Ngoc Huyen</i>	869
64.	LƯU GIỮ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN TƯ LIỆU VỀ VĨ TUYẾN 17 (1954-1975) THÔNG QUA XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐỀ CỬ CHƯƠNG TRÌNH KÝ ỨC THỂ GIỚI CỦA UNESCO	<i>Hoàng Chí Hiếu Trần Ngọc Lâm</i>	882
65.	EDUCATIONAL MODEL OF ETHNIC CULTURAL VALUES IN THE DIGITAL TRANSFORMATION ERA: THE CASE OF SON LA PROVINCE	<i>Chu Thị Mai Huong Nguyen Thi Thanh Thuy Phạm Yến Nhi</i>	893
66.	NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TỪ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC	<i>Lê Thị Thanh Huệ Nguyễn Thị Thanh Huyền Lê Thị Như Nguyệt</i>	906
67.	DIGITAL TRANSFORMATION IN HERITAGE PRESERVATION AND TOURISM DEVELOPMENT: A CASE STUDY OF TRA CO COMMUNAL HOUSE, MONG CAI, QUANG NINH PROVINCE	<i>Ngo Thị Minh</i>	924
68.	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG DẠY HỌC TRUYỆN NGỤ NGÔN LÀO NHẪM BẢO TỒN GIÁ TRỊ VĂN HÓA	<i>Bounchan Keomanyka</i>	936
69.	THE ROLE OF MASS MEDIA IN PROMOTING THE PRESERVATION OF LOCAL CULTURAL IDENTITY	<i>Tran Minh Duc</i>	951

LƯU GIỮ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN TƯ LIỆU VỀ VĨ TUYẾN 17 (1954-1975) THÔNG QUA XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐỀ CỬ CHƯƠNG TRÌNH KÝ ỨC THẾ GIỚI CỦA UNESCO

Hoàng Chí Hiếu¹, Trần Ngọc Lân²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Trị

Tóm tắt: Trong thời kỳ 1954-1975, là nơi trực tiếp chứng kiến sự chia cắt Việt Nam thành hai miền Nam-Bắc, Vĩ tuyến 17 không chỉ là nơi nổi đau chia cắt và khát vọng thống nhất đất nước của dân tộc ta thể hiện rõ nét nhất mà còn là dấu ấn đặc biệt của sự đối đầu Đông - Tây trong “Chiến tranh lạnh”, và không lặp lại ở bất cứ đâu trên thế giới. Vùng đất này sản sinh và để lại một khối lượng đồ sộ những di tích, hiện vật, các loại hình tư liệu như văn bản, sách báo, thơ ca, hò vè, phim ảnh, ký ức, truyện kể, các tác phẩm nghệ thuật,... Nhiều địa danh đã được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt gồm Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải, Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh, Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972, Đường Trường Sơn,... Trên cơ sở đối chiếu với các tiêu chí cốt lõi của Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO, hệ thống tư liệu về các di tích lịch sử ở Vĩ tuyến 17 (1954-1975) hoàn toàn xứng đáng được đề cử là Di sản tư liệu thế giới. Hồ sơ tư liệu này không chỉ lưu giữ những bằng chứng lịch sử vô giá của dân tộc nhằm biến di sản ký ức chiến tranh thành tài sản văn hóa, giáo dục thế hệ trẻ và phục vụ du lịch mà còn truyền tải thông điệp hòa bình đến cộng đồng quốc tế.

Từ khóa: Vĩ tuyến 17, Di sản tư liệu, UNESCO, Chương trình Ký ức Thế giới.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 21-7-1954, Hiệp định Genève tạm chia Việt Nam làm hai miền, lấy sông Hiền Lương - Vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời trong 2 năm. Từ chỗ ghi nhận thắng lợi của nhân dân Việt Nam sau gần một thế kỷ bèn bề đấu tranh chống thực dân Pháp để giành độc lập, Vĩ tuyến 17 trở thành điểm khởi đầu của một cuộc trường chinh mới ròng rã 21 năm: Kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), bởi nơi đây “có một tính chất quan trọng đặc biệt đối với ta cũng như đối với địch. Nó là nơi đấu tranh gay go quyết liệt giữa hai chế độ về mọi mặt chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1955, tr. 655). Từ năm 1965 trở đi, Quảng Trị trở thành nơi diễn ra “cuộc đụng đầu lịch sử” giữa dân tộc Việt Nam với cỗ máy chiến tranh khổng lồ của Mỹ, trở thành tâm điểm điển hình của chiến tranh phá hoại và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, nơi diễn ra những trận chiến hết sức ác liệt giữa các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam với các lực lượng hải lục không quân Mỹ, đặc biệt là loại hình chiến tranh công nghệ cao trong những năm 1966-1972. Từ trong khói lửa chiến tranh, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam đạt đến đỉnh cao, với một Vĩnh Linh “lũy thép lũy hoa” và “một thí dụ vô song về sự toàn thắng của trí tuệ con người đối

với máy móc” (Hoàng Chí Hiếu, 2022, tr. 12) khi đập tan toàn bộ Hàng rào điện tử Mc Namara (*Mc Namara Line electronic barrier*, viết tắt là Mc Namara Line)- sản phẩm kết hợp sức mạnh khổng lồ của cỗ máy chiến tranh và những thành tựu khoa học quân sự mới nhất của siêu cường Mỹ, ... Đồi bờ giới tuyến còn là nơi khởi đầu của tuyến đường Trường Sơn chi viện cách mạng miền Nam, thống nhất đất nước, trong đó địa bàn Hướng Lập được xem là “hình ảnh thu nhỏ” của con đường huyền thoại.

Vĩ tuyến 17 và vùng đất Quảng Trị, do đó là nơi hội tụ sức mạnh của cả nước và bạn bè quốc tế ủng hộ nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Mỹ. Hàng vạn người con ưu tú của dân tộc đã chiến đấu và hi sinh trên vùng đất này, biến các địa danh như Hiền Lương, Thành cổ Quảng Trị, Đường 9-Khe Sanh, tuyến đường Trường Sơn... trở thành những biểu tượng của nỗi đau chia cắt và khát vọng hòa bình.

Trên phạm vi thế giới, Vĩ tuyến 17 chính là dấu ấn xác định tương quan lực lượng giữa hai phe: Đế quốc chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ở thời kỳ Chiến tranh Lạnh; là nơi mà “*trách nhiệm quốc tế*” đòi hỏi phải được thể hiện đối với Việt Nam trong việc thi hành đầy đủ những nội dung của Hiệp định Genève 1954. Từ năm 1968, vấn đề đồi bờ giới tuyến càng thu hút sự chú ý của dư luận quốc tế khi nó trở thành một trong những nội dung đàm phán gần như xuyên suốt Hội nghị Paris (1968-1973) giữa phái đoàn Việt Nam Dân chủ cộng hòa với phái đoàn Hoa Kỳ. Rộng ra, thực tiễn sinh động ở khu vực Vĩ tuyến 17 (1954-1975) có những nét hoàn toàn khác biệt so với sự chia cắt của một số quốc gia thời kỳ Chiến tranh Lạnh như Bức tường Berlin (Đức) và Vĩ tuyến 38 (Triều Tiên) (Hoàng Chí Hiếu, 2017).

Tuy có tầm vóc như vậy nhưng các di tích và tư liệu liên quan đến Vĩ tuyến 17 chưa được vinh danh ở tầm quốc tế. Trên cơ sở đối chiếu bộ ba tiêu chí cốt lõi đối với di sản tư liệu của Chương trình Ký ức Thế giới (Memory of the World - MoW) của UNESCO gồm: tính xác thực, tính toàn vẹn và ý nghĩa toàn cầu (Outstanding Universal Value) (UNESCO, 2017) và những di sản tư liệu chiến tranh tiêu biểu đã được công nhận trên thế giới, như: tư liệu về thảm họa bom nguyên tử Hiroshima (Nhật Bản), hồ sơ Thảm sát Nam Kinh 1937 (Trung Quốc), các di sản ký ức về Holocaust (diệt chủng Do Thái trong Thế chiến II)... (Hiroshima Peace Media Center, 2023; UNESCO, 2015; Han, 2015; UNESCO, 2013), nghiên cứu này khẳng định sự cần thiết cũng như giá trị khoa học, giáo dục và kinh tế của việc xây dựng hồ sơ về Vĩ tuyến 17 (1954-1975) để đề cử là Di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức Thế giới.

2. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH KÝ ỨC THẾ GIỚI VÀ NHỮNG HỒ SƠ CHIẾN TRANH ĐÃ ĐƯỢC UNESCO CÔNG NHẬN

Chương trình Ký ức Thế giới (MoW) được UNESCO khởi xướng năm 1992 nhằm bảo tồn và quảng bá những tư liệu có giá trị đặc biệt của nhân loại. Theo đó, một tư liệu hoặc bộ sưu tập muốn được ghi danh Di sản Tư liệu Thế giới phải đáp ứng các tiêu chí căn bản, về:

- Tính xác thực (authenticity): đòi hỏi tư liệu phải xác minh được nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và là bản gốc hoặc duy nhất - nói cách khác, tư liệu “là chính nó” được tạo ra đúng hoàn cảnh lịch sử đó, chứ không phải bản sao hay ngụy tạo. Tính xác thực đảm bảo độ tin cậy về nội dung và nguồn gốc của tài liệu; ví dụ, nhật ký viết tay của người chứng kiến sự kiện sẽ đáng tin cậy hơn hồi ký ghi nhiều năm sau.

- Tính toàn vẹn (integrity): yêu cầu tư liệu phải được bảo tồn đầy đủ hoặc tương đối đầy đủ, không mất mát phần cốt lõi hay bị chỉnh sửa sai lệch. Hồ sơ đề cử cần mô tả tình trạng toàn vẹn hiện tại, mức độ nguyên gốc của tư liệu (còn nguyên bản hay đã hư hỏng một phần) và nhấn mạnh tính không thể thay thế của tư liệu đó.

- Ý nghĩa toàn cầu (giá trị nổi bật mang tầm thế giới): là tiêu chí quan trọng nhất, tư liệu phải có tầm ảnh hưởng vượt ra ngoài phạm vi quốc gia, phản ánh sự kiện, chủ đề, nhân vật hoặc địa điểm có ý nghĩa đối với lịch sử và văn hóa thế giới (UNESCO, 2017). UNESCO đánh giá ý nghĩa này qua các khía cạnh thời gian (tư liệu về thời khắc bước ngoặt), địa điểm (địa danh sự kiện có tầm quan trọng thế giới), con người (gắn với nhân vật hay cộng đồng có vai trò lịch sử) và chủ đề (phản ánh chủ đề lớn như chiến tranh, hòa bình, nhân quyền...).

Bên cạnh đó, UNESCO cũng xem xét các tiêu chí bổ sung như tính quý hiếm của tư liệu, tình trạng bảo quản và nguy cơ hư hại, khả năng tiếp cận công chúng và tình trạng pháp lý về sở hữu.

Tựu trung, một hồ sơ Di sản Tư liệu cần thuyết phục rằng tư liệu đó xác thực, độc đáo, còn đủ giá trị, và đặc biệt là mang ý nghĩa vượt thời gian, vượt biên giới, đóng góp vào kho ký ức chung của nhân loại (UNESCO, 2017).

Nhiều tư liệu và hồ sơ liên quan đến chiến tranh đã được UNESCO ghi danh MoW như:

(i). Bộ ảnh và phim về thảm họa bom nguyên tử Hiroshima (Nhật Bản): Năm 2023, Nhật Bản nộp hồ sơ “Kho tư liệu hình ảnh về vụ ném bom nguyên tử Hiroshima năm 1945”. Bộ sưu tập này gồm 1.532 bức ảnh và 2 thước phim gốc do các nạn nhân và phóng viên ghi lại ngay sau khi bom nguyên tử được thả xuống Hiroshima tháng 8-1945. Đây là những hình ảnh, thước phim có tính xác thực cao (tư liệu nguyên gốc từ năm 1945) và tập hợp khá toàn vẹn để tái hiện thảm kịch. Ý nghĩa nổi bật của hồ sơ là ở chỗ nếu được công nhận, đây sẽ là tư liệu đầu tiên về thảm họa hạt nhân trong MoW, góp phần cảnh tỉnh nhân loại về sự tàn khốc của vũ khí hạt nhân và đề cao thông điệp hòa bình. Chính phủ Nhật Bản đặc biệt ủng hộ hồ sơ này, thể hiện qua tuyên bố sẽ “nỗ lực tối đa để đạt được ghi danh vào năm 2025”. Trường hợp Hiroshima cho thấy việc một quốc gia chủ động đề cử tư liệu chiến tranh của mình, nhấn mạnh giá trị nhân loại phổ quát (lời cảnh báo chung về nguy cơ chiến tranh hạt nhân), có thể tạo tiền lệ thuận lợi cho các di sản chiến tranh khác, trong đó có Việt Nam (Hiroshima Peace Media Center, 2023; Xinhua, 2014).

(ii). Hồ sơ “Thảm sát Nam Kinh, 1937” (Trung Quốc): Đây là trường hợp tiêu biểu cho tư liệu chiến tranh được UNESCO ghi danh năm 2015, nhưng cũng gây tranh cãi ngoại giao. Bộ hồ sơ Nam Kinh bao gồm nhiều loại tài liệu gốc có độ xác thực rất cao: phim ảnh, hình chụp, nhật ký nhân chứng, tài liệu điều tra sau chiến tranh và biên bản tòa án xét xử tội phạm chiến tranh. Nội dung hồ sơ được sắp xếp toàn diện theo ba giai đoạn (trước, trong và sau vụ thảm sát) - một cấu trúc đảm bảo tính toàn vẹn về mặt thời gian. UNESCO đánh giá rằng bộ tư liệu Nam Kinh phản ánh “một chương đen tối của lịch sử nhân loại” và lưu giữ chúng là để ngăn chặn những ngày tháng tăm tối tương tự lặp lại (UNESCO, 2015; Han, 2015). Ý nghĩa toàn cầu của hồ sơ thể hiện rõ khi nó được xếp ngang hàng với các tài liệu kinh điển như Hiến chương Magna Carta

(Anh, TK 13) hay Nhật ký Anne Frank (Hà Lan, Thế chiến II) trong sổ đăng ký MoW. Tuy nhiên, trường hợp Nam Kinh cũng cho thấy thách thức: Nhật Bản đã phản đối quyết liệt việc ghi danh này, thậm chí dọa cắt đóng góp tài chính cho UNESCO khi cho rằng Trung Quốc “chính trị hóa” di sản tư liệu. Để tránh các tranh cãi tương tự, UNESCO đã rút kinh nghiệm bằng cách khuyến nghị hồ sơ tư liệu chiến tranh nên phục vụ mục đích nhân văn, không trở thành công cụ tuyên truyền một chiều. Bài học này rất đáng lưu ý cho Việt Nam: khi xây dựng hồ sơ cần tránh giọng điệu kích động hay hận thù, thay vào đó tập trung thông điệp hòa giải, nhân đạo và những bài học lịch sử chung. Điều này sẽ giúp hồ sơ được cộng đồng quốc tế đồng thuận cao hơn (UNESCO, 2015).

(iii). Di sản ký ức về Holocaust (Đức và châu Âu): Cuộc diệt chủng người Do Thái thời Thế chiến II đã để lại nhiều tư liệu được công nhận trong MoW, tiêu biểu như Nhật ký Anne Frank và Kho lưu trữ Arolsen. Nhật ký Anne Frank - cuốn nhật ký viết tay của cô bé người Do Thái ghi lại những ngày lẩn trốn phát xít - được UNESCO công nhận năm 2009, do tính xác thực tuyệt đối (bản gốc tự viết), nội dung còn toàn vẹn, và sức ảnh hưởng vượt biên giới như một tiếng nói biểu tượng về nỗi đau chiến tranh và khát vọng sống. Trong khi đó, Kho lưu trữ Arolsen ở Đức (ghi danh năm 2013) lưu giữ thông tin về khoảng 17,5 triệu nạn nhân bị Đức Quốc Xã bức hại - một khối tư liệu khổng lồ đã được số hóa phục vụ nghiên cứu. Với hàng triệu trang hồ sơ trại tập trung, tù nhân, lao động cưỡng bức... Arolsen đạt độ xác thực và toàn vẹn rất cao; UNESCO ví kho tư liệu này như một “Đài tưởng niệm trên giấy” để tưởng nhớ nạn nhân Holocaust và cảnh tỉnh nhân loại (UNESCO, 2013). Thông điệp rút ra là việc bảo tồn những hồ sơ như vậy không chỉ vì lịch sử một dân tộc mà vì lương tri chung của toàn thế giới. Đây chính là hướng tiếp cận mà các hồ sơ chiến tranh nên hướng tới - đề cao giá trị nhân văn phổ quát (công lý, hòa bình, nhân quyền) hơn là chỉ nhấn mạnh thắng lợi hay đau thương của riêng một phía (UNESCO, 2013).

Ngoài ra, nhiều di sản tư liệu chiến tranh khác đã được ghi danh như: biên bản Tòa án Nürnberg xử tội phạm phát xít Đức, hồ sơ phong trào hòa bình và nhân quyền (ví dụ: Hồ sơ Nelson Mandela chống chủ nghĩa Apartheid ở Nam Phi)... Tất cả đều có điểm chung là tư liệu gốc, quý hiếm, được bảo quản tốt và chứa đựng thông điệp nhân loại tích cực.

Từ tổng quan trên, có thể thấy UNESCO rất coi trọng giá trị nhân văn phổ quát trong các tư liệu chiến tranh. Những hồ sơ dễ được chấp nhận thường là hồ sơ cảnh tỉnh con người về nỗi đau chiến tranh, tôn vinh khát vọng hòa bình hoặc bảo vệ phẩm giá con người, hơn là các hồ sơ mang màu sắc tuyên truyền một chiều. Bài học này sẽ định hướng cho việc đánh giá và xây dựng hồ sơ tư liệu chiến tranh Quảng Trị - làm sao để câu chuyện Vĩ tuyến 17 được trình bày như một bài học chung của nhân loại về chiến tranh và hòa bình (UNESCO, 2017).

3. GIÁ TRỊ DI SẢN TƯ LIỆU CỦA HỆ DI TÍCH LỊCH SỬ Ở VĨ TUYẾN 17

Dựa trên các tiêu chí của UNESCO, phần này đánh giá cụ thể bốn hồ sơ tư liệu tiêu biểu tại Quảng Trị: (1) Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972, (2) Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải (1954-1967), (3) Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh, (4) Đường Trường Sơn (đoạn qua Quảng Trị). Mỗi trường hợp được phân tích về bối cảnh lịch sử, tính xác thực, tính toàn vẹn và ý nghĩa toàn cầu, qua đó làm rõ mức độ đáp ứng các tiêu chí MoW (UNESCO, 2017).

3.1. Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải (1954-1967)

Bối cảnh lịch sử: Hiền Lương - Bến Hải gắn liền với Vĩ tuyến 17, ranh giới tạm thời chia cắt đất nước theo Hiệp định Genève 1954. Trong 21 năm (1954-1967), dòng sông nhỏ bé trở thành biểu tượng chia cắt dân tộc, tương tự như Đông - Tây Đức hay bán đảo Triều Tiên. Cầu Hiền Lương - được sơn hai màu xanh và đỏ - chứng kiến nhiều sự kiện: di cư và tập kết, trao đổi bưu thiếp, “đấu cờ, đấu loa”, biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao, nơi mà chiến sĩ công an giới tuyến phải “chịu đựng những điều không thể chịu đựng nổi” trong thời gian dài,... (Hoàng Chí Hiếu, 2024). Năm 1967, cầu từng bị bom Mỹ đánh sập. Sau 1975, khu vực được phục dựng, trở thành di tích hòa bình, được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt (2013) (Cổng thông tin Di sản văn hóa Việt Nam, 2013).

Tính xác thực: Hồ sơ có thể tập hợp nhiều tư liệu gốc: Hiệp định Genève 1954, báo cáo của Ủy ban Quốc tế Kiểm soát Đình chiến (Ấn Độ, Ba Lan, Canada), ảnh và phim về cuộc sống đồi bờ (người dân thả thư trong chai, lính hai phía gác đồi điện, mít-tinh hòa bình), cùng hồi ký và nhật ký của cán bộ, nhân dân và chiến sĩ giới tuyến,... 53 hiện vật, tài liệu gốc hiện trưng bày tại Bảo tàng Vĩ tuyến 17, gồm văn kiện của Ủy ban Liên hợp, thư từ, mảnh loa, sắt cầu nguyên bản. Cầu và loa phục dựng chỉ mang tính biểu tượng, còn những mảnh gốc chính là chứng cứ xác thực. Nhiều nhân chứng sống vẫn còn, tăng độ tin cậy (Cổng thông tin Di sản văn hóa Việt Nam, 2013).

Tính toàn vẹn: Bộ hồ sơ cần phản ánh đầy đủ quá trình chia cắt - thống nhất: văn bản Hiệp định và biên bản quốc tế; ảnh, phim, tài liệu về tổ chức hành chính, đời sống nhân dân và đấu tranh thống nhất,...; thư từ, bưu thiếp, nhật ký của người dân ly tán; hình ảnh đoàn tụ 1975. Thách thức là tư liệu rời rạc, phân tán, một phần bị hư hỏng. Tuy nhiên, nhờ giai đoạn lịch sử chưa xa, nhiều kỷ vật và hồi ức còn được lưu giữ, có thể sưu tầm bổ sung và số hóa. Một số bản sao (như Hiệp định Genève) vẫn hợp lệ nếu chứng minh nguồn gốc. Đồng thời, có thể khai thác tư liệu từ nước ngoài (Pháp, Ấn Độ, Canada...) để tăng tính toàn vẹn.

Ý nghĩa toàn cầu: Vĩ tuyến 17 là biểu tượng toàn cầu về chia cắt và khát vọng thống nhất trong Chiến tranh Lạnh. Khác với Đức hay Triều Tiên, Việt Nam là trường hợp đặc biệt: một nước thuộc địa giành độc lập nhưng bị chia cắt do xung đột ý thức hệ, cuối cùng thống nhất bằng đấu tranh vũ trang. Những hình ảnh cây cầu hai màu, độ cao của cột cờ và độ rộng của lá cờ, tăng công suất hệ thống loa phóng thanh, biểu diễn văn nghệ, thể thao,... đều gọi đồng cảm quốc tế. Hồ sơ không chỉ kể lại nỗi đau chia cắt của Việt Nam, mà còn đóng góp bài học nhân loại về sức mạnh đoàn kết và ước vọng hòa bình, có thể truyền cảm hứng cho các dân tộc còn chia cắt như Triều Tiên (Hoàng Chí Hiếu, 2017).

Kết quả cho thấy Hồ sơ Hiền Lương - Bến Hải có thể mạnh ở tính biểu tượng và tư liệu gốc phong phú. Nếu chọn lọc tinh túy, nhấn mạnh thông điệp nhân văn chung - khát vọng thống nhất và niềm tin hòa bình - hồ sơ này hoàn toàn có khả năng thuyết phục UNESCO và được cộng đồng quốc tế ủng hộ (UNESCO, 2017; Cổng thông tin Di sản văn hóa Việt Nam, 2013).

3.2. Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh (1966-1972)

Bối cảnh lịch sử: Sau Hiệp định Genève, Vĩnh Linh trở thành tuyến đầu miền Bắc, đối diện với “địa đầu giới tuyến” của chính quyền Việt Nam cộng hòa. Từ 1965, Mỹ tiến

hành cuộc chiến tranh phá hoại mang tính hủy diệt đối với Vĩnh Linh bằng không quân, hải quân, pháo từ bờ Nam bắn ra,... Trong 7 năm, vùng đất ~50.000 dân hứng hơn nửa triệu tấn bom (bình quân 7 tấn/người). Để sinh tồn, quân và dân Vĩnh Linh đã đào 114 địa đạo dài 40 km, nổi bằng 2.000 km giao thông hào. Địa đạo Vịnh Mốc là công trình tiêu biểu, dài 1.701 m, 3 tầng sâu 23 m, 13 cửa hầm (6 lên đồi, 7 ra biển). Trong gần 2.000 ngày “một tác không đi, một ly không rời”, sống dưới mặt đất, 60 hộ dân (~300 người) vẫn an toàn, 17 trẻ ra đời, không ai thiệt mạng do bom. Sau hòa bình, Vịnh Mốc thành di tích quốc gia (1976), di tích quốc gia đặc biệt (2014) nay đón ~70.000 khách/năm, phần lớn quốc tế (TTXVN/VietnamNet, 2020; VnExpress, 2017).

Tính xác thực: Địa đạo là chứng tích vật thể, nhưng hồ sơ cần tư liệu gốc: sơ đồ thiết kế 1966, nhật ký công binh, báo cáo phong trào đào hầm, ảnh và phim sau 1973 về “làng bí mật”, cùng hiện vật (xẻng, cuốc, đèn dầu, giường tầng...). Sổ y tế xác nhận 17 ca sinh nở càng tăng độ tin cậy. Dù số lượng tài liệu chữ viết ít, bản thân hầm ngầm nguyên vẹn, hiện vật và ảnh chụp đã đủ chứng minh tính xác thực (TTXVN/VietnamNet, 2020; VnExpress, 2017).

Tính toàn vẹn: Hồ sơ bao quát ba nhóm: (1) quá trình đào hầm (~18.000 ngày công, sơ đồ thiết kế), (2) đời sống trong hầm (danh sách trẻ sinh, ảnh chụp, hồi ký, bài báo), (3) hệ thống làng hầm Vĩnh Linh (114 địa đạo, ví dụ Tân Lý sập hầm 61 người chết). Ưu thế: Vịnh Mốc còn gần như nguyên vẹn, có thể kết hợp thực địa và tư liệu. Hạn chế: thiếu tài liệu từ phía Mỹ (vốn không phát hiện được địa đạo). Tuy nhiên, câu chuyện chủ yếu về “tồn tại hay không tồn tại” vẫn còn nguyên vẹn.

Ý nghĩa toàn cầu: Vịnh Mốc là minh chứng độc đáo: cả cộng đồng 300 người sống ngầm gần 5 năm - hiếm thấy trong lịch sử chiến tranh. So với London hay Stalingrad (trú bom ngắn hạn), Vịnh Mốc là một xã hội thu nhỏ dưới lòng đất với trường học, chiếu phim, bệnh xá. Đây là câu chuyện phổ quát về ý chí sinh tồn, đoàn kết và niềm tin vào tương lai. 17 trẻ ra đời giữa bom đạn là thông điệp hi vọng, giống Anne Frank nhưng với cái kết nhân văn hơn: cả cộng đồng sống sót. Hồ sơ bổ sung vào ký ức thế giới một góc nhìn hiếm hoi về thường dân, mang giá trị nhân văn sâu sắc và thông điệp hòa bình (UNESCO, 2017; UNESCO, 2013).

Kết quả cho thấy Hồ sơ Vịnh Mốc có tính độc đáo và cảm xúc mạnh, dù hạn chế về số lượng tài liệu. Nếu được chọn lọc kỹ, bổ sung hiện vật và ảnh, đây sẽ là ứng viên thuyết phục của UNESCO, làm phong phú thêm danh mục Ký ức Thế giới bằng câu chuyện sinh tồn thường dân trong chiến tranh (UNESCO, 2017).

3.3. Đường Trường Sơn (đoạn qua Quảng Trị)

Bối cảnh lịch sử: Để mở đường chi viện cách mạng miền Nam thống nhất đất nước, từ tháng 5-1959, tuyến đường Trường Sơn, khởi đầu từ Khe Hó (Vĩnh Linh) được khai thông vào đến miền Tây Thừa Thiên Huế. Trong hơn một năm đầu, tuyến chủ yếu gửi thò theo phương châm “đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng”, với nhiều điểm vượt bí mật qua Quốc lộ 9. Từ năm 1961, vùng đất Hướng Lập trở thành bàn đạp để đường Trường Sơn “lật cánh” sang Tây. Gắn liền với tuyến đường huyền thoại này là cuộc chiến tranh ngăn chặn và chống ngăn chặn, với đỉnh cao là cuộc đụng đầu trên Hàng rào điện tử McNamara (1966-1972) mà trong đó Hướng Lập là một trong bốn “khung trọng điểm” ác liệt nhất. Sau Hiệp định Paris 1973, từ đất

Quảng Trị, tuyến đường Đông Trường Sơn (khởi đầu từ km 50 Quốc lộ 9) băng qua Tây Nguyên vào đến Đông Nam Bộ, góp phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng của công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

Tính xác thực: Đường Trường Sơn là một “trận đồ bát quái xuyên rừng rậm”, với 5 hệ thống đường, trong đó trên đất Quảng Trị có điểm khởi đầu (1959, 1973), các điểm vượt Quốc lộ 9, đường ống xăng dầu, đường sông Sê Bông Hiền, Đường 16, “đường kín”, cầu treo Bến Tắt, Trụ sở Bộ Tư lệnh Đoàn 559, cảng Đông Hà, Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn,... Tài liệu, phim ảnh, nhân chứng và dấu tích khá phong phú nhưng còn tản mác nhiều nơi.

Tính toàn vẹn: Hồ sơ gồm ba nhóm: (1) quá trình mở đường, (2) chiến đấu và phục vụ bảo vệ tuyến đường, (3) công tác vận tải. Ưu thế: Đường Trường Sơn qua Quảng Trị dày đặc các di tích và địa điểm có giá trị lịch sử cao, tài liệu, hình ảnh và di vật chiến tranh còn khá nhiều. Hạn chế: Những tài liệu buổi đầu mở đường còn chưa được công bố và nguồn nhân chứng ngày càng hiếm hoi bởi thời gian trôi qua hơn nửa thế kỷ; thiếu tài liệu từ phía Mỹ và chính quyền Việt Nam cộng hòa nên cần đặt ra vấn đề cấp thiết là phải tìm kiếm, bổ sung để lập nên cơ sở dữ liệu căn bản từ các bên.

Ý nghĩa toàn cầu: Đường Trường Sơn là một kỳ tích, một thành tựu quân sự độc đáo của thế kỷ XX. Nó chứa đựng khát vọng và nỗ lực thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam, đồng thời là nơi thử thách trí tuệ và bản lĩnh của con người Việt Nam trước sức mạnh không lồ của nền khoa học quân sự Mỹ. Trong đó, Hàng rào điện tử McNamara ra đời nhằm ngăn chặn đường Trường Sơn ở hai bên vĩ tuyến 17 chính là hình thức chiến tranh công nghệ cao lần đầu tiên được triển khai trên thế giới và có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển của nhiều dòng vũ khí, phương tiện chiến tranh, phương thức điều hành cuộc chiến công nghệ,... của nhiều quốc gia hiện nay (Hoàng Chí Hiếu, 2022).

Kết quả cho thấy Hồ sơ Đường Trường Sơn (đoạn qua Quảng Trị) có tính độc đáo và cảm xúc mạnh. Nếu được chọn lọc kỹ, bổ sung hiện vật và ảnh, đây sẽ là ứng viên thuyết phục của UNESCO, làm phong phú thêm danh mục Ký ức Thế giới.

3.4. Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972

Khái quát: Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, thị xã Quảng Trị trở thành chiến trường khốc liệt nhất giữa chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam với quân đội Sài Gòn dưới sự yểm trợ hỏa lực tối đa của Mỹ. Trong 81 ngày đêm (28-6-1972), khu vực Thành cổ (16 ha) và thị xã (3 km²) hứng ~328.000 tấn bom (xấp xỉ sức công phá 20 quả bom nguyên tử Mỹ ném xuống Hiroshima năm 1945). Bình quân mỗi chiến sĩ phải chịu ~100 quả bom và ~200 quả đạn pháo; đô thị bị san phẳng, Thành cổ được ví như “nghĩa trang không nấm mồ” - biểu tượng hi sinh vì độc lập và thống nhất (Báo Nhân Dân, 2022; VietnamPlus, 2017).

Tính xác thực: Nguồn tư liệu gốc phong phú từ năm 1972: Nhật ký chiến trường, thư tay, mệnh lệnh, báo cáo tác chiến của Quân Giải phóng; Kế hoạch Lam Sơn 72, báo cáo tướng lĩnh, phóng sự báo chí trong và ngoài nước của phía VNCH/Mỹ. Bảo tàng Thành cổ hiện lưu nhiều hiện vật gốc (thư viết trên bao thuốc lá, sổ tay tọa độ pháo kích, bản đồ, mảnh vũ khí...). Phim ảnh/phóng sự quốc tế ghi tại chỗ tăng độ tin

cây. Hạn chế: nhiều chiến sĩ hi sinh không để lại tư liệu; cần bổ khuyết bằng hồi ký đồng đội, tư liệu giải mật, báo chí (Báo Nhân Dân, 2022; VietnamPlus, 2017).

Tính toàn vẹn: Tư liệu đang phân tán (lưu trữ quân đội, bảo tàng, sưu tập cá nhân). Cần xác định khung sưu tập: X nhật ký; Y thư tay; Z ảnh/phim/phóng sự; trích lục tài liệu quân sự hai phía. Chấp nhận khiếm khuyết vật lý (nhật ký đang dở, phim mờ) nếu mô tả tình trạng rõ ràng và bảo lưu phần cốt lõi. Ưu tiên bản gốc/bản phục chế từ gốc; số hóa-liên thông các mảnh tư liệu để đạt toàn vẹn chức năng (kể được diễn biến, trải nghiệm lynch-dân, tác động hủy diệt).

Ý nghĩa toàn cầu: Quảng Trị là một điển hình của sự đối đầu khốc liệt giữa hai hệ thống thế giới trong Chiến tranh Lạnh về mức độ hủy diệt (328.000 tấn bom trong không gian hẹp) - tương quan biểu tượng với Hiroshima về cảnh tỉnh nhân loại. Trận chiến diễn ra song hành với Hội nghị Paris, tác động đến ký kết Hiệp định Paris 1973 về việc chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam, nên vượt khung quốc gia. Thông điệp hi sinh - khát vọng thống nhất - giá trị hòa bình có tính phổ quát (mọi dân tộc từng bị chia cắt đều đồng cảm). Mất mát tư liệu đồng nghĩa tổn thất ký ức chung của nhân loại (Hiroshima Peace Media Center, 2023).

Thực tế cho thấy Thành cổ Quảng Trị mạnh ở xác thực tư liệu và thông điệp nhân loại; yếu ở phân tán tư liệu. Nếu quy hoạch sưu tập, số hóa liên thông và trình bày khách quan, đây là ứng viên sáng giá của MoW, có thể đặt cạnh các trường hợp biểu tượng như Hiroshima hay Nhật ký Anne Frank trong “ký ức chiến tranh” toàn cầu (UNESCO, 2017; Hiroshima Peace Media Center, 2023).

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua nghiên cứu và so sánh, có thể khẳng định các di tích lịch sử ở Quảng Trị: Thành cổ Quảng Trị (81 ngày đêm 1972), Đồi bò Hien Lương - Bến Hải (1954-1967) và Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh (1966-1972), Đường Trường Sơn (đoạn qua Quảng Trị) hội đủ những luận chứng luận cứ mang nhiều giá trị để trở thành Di sản Tư liệu Thế giới. Mỗi hồ sơ tuy mang nội dung đặc thù nhưng đều chứa đựng những câu chuyện và bài học có ý nghĩa nhân loại sâu sắc. Thành cổ là chứng tích về chiến tranh khốc liệt và sự hi sinh vì độc lập; Vĩ tuyến 17 là biểu tượng chia cắt - thống nhất, gắn với trải nghiệm Chiến tranh Lạnh; Vịnh Mốc độc đáo về ý chí sinh tồn của thường dân; Đường Trường Sơn thể hiện ý chí thống nhất và kỳ tích của trí tuệ Việt Nam.

Những tư liệu này đáp ứng tốt các tiêu chí UNESCO: tính xác thực cao (tài liệu gốc do người trong cuộc tạo ra), tính toàn vẹn có thể đảm bảo nếu tập hợp đầy đủ các mảnh tư liệu chính, và ý nghĩa phổ quát thì vô cùng rõ nét - từ sự tàn khốc của chiến tranh đến khát vọng hòa bình, từ nỗi đau chia cắt đến sức mạnh đoàn kết và sinh tồn. Việc vinh danh những ký ức này không chỉ là niềm tự hào của Việt Nam mà còn là đóng góp lớn vào tủ sách ký ức của nhân loại, giúp hậu thế cùng rút ra bài học chung về giá trị của hòa bình (UNESCO, 2017; UNESCO, 2013; Hiroshima Peace Media Center, 2023).

Xây dựng thành công hồ sơ tư liệu về di sản chiến tranh ở Vĩ tuyến 17 sẽ có những đóng góp sau:

Một là, góp phần chuyển biến nhận thức xã hội về việc trân trọng ký ức chiến tranh và đề cao giá trị hòa bình cũng như đóng góp hoàn thiện chủ trương, chính sách về công tác bảo tồn di sản: bài học từ việc xây dựng hồ sơ sẽ được kiến nghị tích hợp vào chính sách bảo quản tài liệu quý hiếm, chính sách phát huy giá trị di sản chiến tranh phục vụ phát triển bền vững. Ngoài ra, thông qua các hoạt động truyền thông, đề án sẽ lan tỏa thông điệp hòa bình, hòa giải mạnh mẽ. Ví dụ, câu chuyện “cầu Hiền Lương nửa đỏ nửa xanh” và “cuộc chiến loa phóng thanh” sẽ được đưa vào chương trình giáo dục địa phương, giúp thế hệ trẻ hiểu hơn về giá trị của hòa bình. Tác động xã hội khác là tạo niềm tự hào cho người dân Quảng Trị nói riêng và Việt Nam nói chung khi tiếng nói Việt Nam được đưa vào bộ nhớ chung của nhân loại, minh chứng nỗ lực hòa giải, hàn gắn vết thương chiến tranh của chúng ta.

Hai là, hồ sơ tạo ra một cơ sở dữ liệu đồ sộ về chủ đề Vĩ tuyến 17 - điều chưa từng có trước đây. Các nhà sử học, nhà nghiên cứu hòa bình có thể dựa vào đó để tiếp tục các nghiên cứu chuyên sâu (như nghiên cứu tâm lý người dân hai bờ qua thư từ, bưu thiếp, nghiên cứu nghệ thuật tuyên truyền qua truyền đơn,...). Hồ sơ cũng góp phần làm phong phú thêm sử liệu về chiến tranh Việt Nam, bổ sung góc nhìn từ phía Việt Nam vào kho tư liệu chiến tranh vốn lâu nay chủ yếu do phương Tây nắm giữ. Ngoài ra, xây dựng hồ sơ thành công sẽ đưa câu chuyện Vĩ tuyến 17 thành một trường hợp điển hình trong chương trình Ký ức Thế giới, làm tài liệu giáo dục cho các quốc gia khác có hoàn cảnh tương tự (như Triều Tiên, Yemen... trong tương lai có thể tham khảo).

Ba là, xây dựng hồ sơ thành công sẽ truyền tải sinh động bài học về giá trị của hòa bình. Như đã nêu, những câu chuyện, con số, hình ảnh từ hồ sơ sẽ có sức lay động mạnh hơn lý thuyết suông, góp phần giáo dục lòng yêu chuộng hòa bình, nhân văn cho cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Từ đó, Hồ sơ cũng góp phần định hình văn hóa hòa bình tại Quảng Trị - địa phương đang phấn đấu trở thành một biểu tượng hòa bình của khu vực (với Công viên Hòa bình, Lễ hội Thống nhất hàng năm, Thành cổ Quảng Trị...).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước (2020). *Một số kinh nghiệm trong việc lập hồ sơ ghi danh Di sản tư liệu khu vực và thế giới*. Truy cập từ Archives.org.vn/archives.org.vn.
- Báo Nhân Dân (2022, 27/06). *81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị: Khúc tráng ca bất tử*. Truy cập từ Nhandan.vn.
- Báo điện tử VietnamPlus (2025, 23/08). “81 ngày đêm khốc liệt bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị”. Truy cập từ Vietnamplus.vn.
- Cổng thông tin Di sản văn hóa Việt Nam (2013). *Di tích lịch sử Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải*. Truy cập từ Dsvh.gov.vn.
- Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 16 (1955), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- Hoàng Chí Hiếu (2017). “Thống nhất đất nước thời kỳ Chiến tranh Lạnh: Trường hợp Đức, Triều Tiên và Việt Nam”. *Tạp chí Lịch sử Quân sự*. Số 7.
- Hoàng Chí Hiếu (2022). *Cuộc chiến tranh công nghệ cao ở Hàng rào điện tử Mc Namara (1966-1972)*. Nxb. Tổng Hợp. Tp.Hồ Chí Minh.

- Hoàng Chí Hiếu (2024). *Khu phi quân sự - Vĩ tuyến 17 (1954-1967)*. In lần thứ Ba. Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- TTXVN/VietnamNet (2024, 24/10). “Địa đạo Vĩnh Mốc - một thế giới kỳ lạ bên dưới cuộc chiến”. Truy cập từ Vietnam.vnanet.vn.
- VnExpress (2015, 02/01). “Độc đáo địa đạo và “làng hầm” Vĩnh Linh”. Truy cập từ Vnexpress.net.
- Han, B. (2015, October 17). *UNESCO Accepts China’s Nanjing Massacre Documents*. thediplomat.com.
- Hiroshima Peace Media Center (2023, Nov 29). *Registration with “Memory of the World” of Hiroshima A-bombing photos...*hiroshimapeacemedia.jp.
- UNESCO (2017). *What is UNESCO Memory of the World? - Guidelines and Criteria* (UNESCO International Centre for Documentary Heritage).
- UNESCO (2015). *Memory of the World Register - Nanjing Massacre Archives (Nomination form)* thediplomat.com.
- UNESCO (2013). *Memory of the World Register - Archives of the International Tracing Service* (Arolsen Archives).
- Xinhua (2014, June 10). *China submits Hiroshima bombing documents to UNESCO*. (Về hồ sơ Hiroshima do Nhật Bản đệ trình).

PRESERVING AND PROMOTING THE VALUE OF DOCUMENTARY HERITAGE OF THE 17TH PARALLEL (1954-1975) THROUGH THE DEVELOPMENT OF A NOMINATION DOSSIER FOR UNESCO’S MEMORY OF THE WORLD PROGRAMME

Abstract: During the period 1954-1975, the 17th Parallel which directly witnessed the division of Vietnam, was not only the place where the pain of country separation and aspiration for reunification were vividly expressed, but also a remarkable symbol of East-West confrontation in the Cold War, and could not be seen anywhere else in the world. This place has produced and preserved a vast collection of relics, artifacts, and various types of documents such as official records, newspapers, poetry, folk songs, films, memories, narratives, and works of art. Many sites have been recognized as Special National Relics, including Hien Luong Bridge - Ben Hai River, the Vinh Linh tunnel villages - Vinh Moc Tunnels, Quang Tri Ancient Citadel, the Ho Chi Minh Trail, and others. Based on the criteria of UNESCO’s Memory of the World Programme, the system of documents related to the historical sites at the 17th Parallel (1954-1975) fully deserves to be nominated as a World Documentary Heritage. This documentary dossier not only preserves invaluable historical evidence of the nation, thereby transforming the heritage of wartime memories into cultural assets for educating younger generations and promoting tourism, but also conveys a message of peace to the international community.

Keywords: 17th Parallel, Documentary Heritage, UNESCO, Memory of the World Programme.

**LA CONSERVATION ET LA VALORISATION DES VALEURS
PATRIMONIALES DES DOCUMENTATIONS PORTANT SUR LE 17^e
PARALLÈLE (PÉRIODE 1954-1975) PAR LE TRUCHEMENT DE
L'ÉLABORATION DU DOSSIER VISANT UNE DEMANDE D'INSCRIPTION
AU PROGRAMME MÉMOIRE DU MONDE DE L'UNESCO**

Résumé: *Durant la période 1954-1975, le 17^e parallèle était le témoin direct de la partition du Vietnam en deux parties, du Nord et du Sud. Le 17^e parallèle n'était pas seulement la ligne de partage où se sont révélés les souffrances dues à la séparation des deux régions et les vœux indélébiles d'une réunification nationale, il était encore une empreinte particulière de l'affrontement Est-Ouest au cours de la Guerre Froide, un cas qui n'aurait pas eu d'équivalent sous d'autres latitudes dans le monde contemporain. La zone du 17^e parallèle en question a fait voir le jour ou hébergé ainsi une masse énorme de vestiges, de reliques, divers types de documentation: textes, articles, livres, poésie, chansons populaires, films, récits, œuvres artistiques... Nombre de sites de la zone en question sont classés Vestiges nationaux spéciaux tels que les deux berges du fleuve de Hiên Luong-Bên Hai, les galeries souterraines de Vinh Môc et le système de villages souterrains de Vinh Linh, la citadelle ancienne de Quang Tri et les sites commémoratifs des 81 jours de combat de tranchées en 1972, la piste Hochiminh. Sur la base d'une consultation référentielle des critères essentiels relevant du Programme Mémoire du Monde de l'UNESCO, ainsi s'avère-t-il être totalement convaincant pour l'inscription au Patrimoine documentaire mondial, le système de documentation portant sur les vestiges historiques du 17^e parallèle relevant de la période 1954-1975. Le dossier portant sur un tel système de documentation historique ne présente pas seulement une conservation des témoignages historiques uniques de la nation vietnamienne et un patrimoine de témoignages sur la guerre, ceux-ci devenant en effet des legs culturels au service de l'éducation des jeunes générations et du développement touristique, il constitue encore la transmission du message de paix à la communauté internationale.*

Mots-clés: *17^e parallèle, Patrimoine documentaire, UNESCO, Programme de Mémoire du Monde.*